

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 – 5 – 2020

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Ông Trương Vĩnh Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: Ông Hà Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2020; Thông báo hoãn số 147/TB-TA ngày 16/3/2020; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 09/TB-TA ngày 17/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1973, có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1975, vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 7, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ chỗ ở: Tổ dân phố 7, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:

Bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện An N, tỉnh Bình Định vào ngày 04/7/1995.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T sống hạnh phúc đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế không có sự thống nhất mỗi người một ý, không chia sẻ và yêu thương nhau nên hay xảy ra xô xát, cãi vã

nhau. Bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay bà Lâm Thị H xác định không còn tình cảm với ông Võ Thanh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Thanh T.

Về con chung: Bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T có 01 con chung là cháu Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 29/02/1996, hiện nay cháu N đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng bà Lâm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai bị đơn ông Võ Thanh T trình bày:

Năm 1995 ông Võ Thanh T và bà Lâm Thị H có kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện tại xã Đ, huyện An N, tỉnh Bình Định.

Sau khi kết hôn được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong gia đình, quan điểm sống hoàn toàn trái ngược nhau, ông Võ Thanh T nhận thấy rằng cuộc sống vợ chồng là không hòa hợp, nhiều lần ông cũng cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng vẫn không đạt được, đã sống ly thân nhau từ lâu nên ly hôn là giải pháp tốt nhất và tất yếu để mỗi bên có một cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Nay bà Lâm Thị H làm đơn xin ly hôn thì ông Võ Thanh T đồng ý ly hôn với bà Lâm Thị H.

Về con chung: Ông Võ Thanh T, bà Lâm Thị H có 01 con chung là cháu Võ Thị Mỹ N, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 98; các Điều 171 đến Điều 177; Điều 203; Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lâm Thị H.

Bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Võ Thanh T.

Về con chung: Cháu Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 29/02/1996 đã trưởng thành, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà Lâm Thị H phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lâm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà với ông Võ Thanh T. Đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, tại phiên hòa giải bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã Đ, huyện An N, tỉnh Bình Định vào ngày 04/7/1995, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng:

Bà Lâm Thị H xác định: Đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế không có sự thống nhất mỗi người một ý, không chia sẻ và yêu thương nhau nên hay xảy ra xô xát, cãi vã nhau, đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay.

Ông Võ Thanh T xác định: Sau khi kết hôn được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong gia đình, quan điểm sống hoàn toàn trái ngược nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, đã sống ly thân nhau từ lâu.

Bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được ly hôn. Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Mâu thuẫn giữa bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T do tính cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng ly thân từ năm 2010 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay và đều có nguyện vọng được ly hôn, vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị H, giải quyết cho bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Võ Thanh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung*: Bà Lâm Thị H và ông Võ Thanh T có 01 con chung là cháu Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 29/02/1996. Hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Lâm Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lâm Thị H

1. *Về hôn nhân*: Bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Võ Thanh T.

2. *Về con chung*: Cháu Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 29/02/1996 đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự làm ăn nuôi sống được bản thân, nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Lâm Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà Lâm Thị H (Anh Đặng Anh T nộp thay) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0005613 ngày 27/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.B;
- CCTHADS TP.B;
- UBND xã Đ, h. An N, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đại Minh

